TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/DS-PT
Ngày 25-11- 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 23/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị H; cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thúy Đ, Luật sư Công ty luật TNHH N thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội; địa chỉ: Tòa nhà ***, đường N, phường T, quận C, Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đỗ Văn V; cư trú tại: Số * đường T, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn D; cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Phạm Đức G; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Dương Thị L; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Ông Sầm Văn X; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Anh Dương Ngọc T; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Dương Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lê Thị H trình bày: Do có quan hệ quen biết nên chị Lê Thị H đã nhiều lần cho bà Dương Thị H vay tiền, nay bà Dương Thị H còn nợ chị 565.000.000 đồng thể hiện tại 05 Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/ 2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 17/12/2018 và ngày 21/12/2018 có chữ ký của bà Dương Thị H; thời hạn thanh toán cho khoản vay cuối cùng là ngày 21/01/2019. Khi vay nợ, hai bên thỏa thuận với nhau về lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng không ghi vào Giấy biên nhận vay tiền và thực tế đến nay bà Dương Thị H chưa thanh toán tiền lãi cho chị lần nào. Nay đã quá thời hạn thanh toán nợ, mặc dù chị đã đòi nhiều lần nhưng bà Dương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ngày 16/4/ 2019, chị Lê Thị H gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Dương Thị H trả chị 565.000.000 đồng tiền nợ gốc và chị không yêu cầu bà Dương Thị H phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc nói trên.

Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà chỉ được vay tiền chị Lê Thị H 01 lần duy nhất với số tiền 115.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 17/12/2018; khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán và theo bà Dương Thị H nội dung về thời hạn thanh toán trả nợ do chị Lê Thị H tự ghi và ghi khi nào thì bà không biết; hai bên có thỏa thuận về lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Bà không được vay chị Lê Thị H 450.000.000 đồng thể hiện tại 04 Giấy biên nhận vay tiền còn lại nhưng bà có được ký tên, ghi rõ họ tên vào 04 Giấy biên nhận vay tiền khống (không ghi nội dung), cụ thể: Có 01 Giấy vay tiền do anh Đỗ Văn V yêu cầu ký với lý do, anh Đỗ Văn V làm cơ quan Nhà nước nên không đứng ra lập Giấy biên nhận cho bà vay tiền được, vì vậy để chị Lê Thị H đứng ra lập Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/12/2018, còn tiền cho bà vay là của cả chị Lê Thị H và anh Đỗ Văn V; còn 03 giấy vay tiền còn lại do anh Đỗ Văn V bảo bà ký để bảo lãnh cho bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X

được chị Lê Thị H cho vay tiền; thực tế bà không được vay chị Lê Thị H 450.000.000 đồng thể hiện tại 04 Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018 và ngày 21/12/2018. Sau khi vay chị Lê Thị H 115.000.000 đồng, mỗi tháng bà phải trả 10.350.000 đồng và bà đã trả tổng số tiền lãi là 42.350.000 đồng; việc trả lãi có lần bà nhờ anh Phạm Đức G, anh Dương Ngọc T đưa trực tiếp cho anh Đỗ Văn V, có 01 lần bà trả trực tiếp cho chị Lê Thị H. Vì vậy, bà Dương Thị H chỉ đồng ý trả chị Lê Thị H số tiền nợ của ngày 17/12/2018 là 115.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn V trình bày: Ông không có bất cứ quan hệ gì với chị Lê Thị H và bà Dương Thị H cùng những người làm chứng trong vụ án này là ông Nguyễn Văn D, ông Phạm Đức G, bà Dương Thị L, ông Sầm Văn X, ông Dương Ngọc T. Việc bà Dương Thị H và những người làm chứng khai rằng ông là người cho họ vay tiền là không đúng. Ông cũng không được nhận tiền lãi của bà Dương Thị H hay của người khác đưa để trả cho chị Lê Thị H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng gồm ông Sầm Văn X, ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị L đều trình bày không biết việc vay nợ giữa bà Dương Thị H và chị Lê Thị H. Năm 2018, do có nhu cầu vay tiền nên các ông bà được bà Dương Thị H đưa đi gặp chị Lê Thị H, để chị Lê Thị H cho các ông bà vay tiền thì bà Dương Thị H phải ký vào giấy bảo lãnh và đến nay khoản vay đã được thanh toán cho chị Lê Thị H.

Anh Phạm Đức G trình bày: Anh là cháu ruột của bà Dương Thị H và anh không biết việc vay tiền giữa bà Dương Thị H và chị Lê Thị H, có 01 lần vào năm 2018 (không nhớ cụ thể ngày tháng) anh được bà Dương Thị H nhờ đưa 10.350.000 đồng cho ông Đỗ Văn V; anh không biết đây là tiền của ai trả ông Đỗ Văn V, trả cho khoản vay nào, trả nợ gốc hay nợ lãi và khi giao nhận tiền giữa anh và ông Đỗ Văn V không làm giấy tờ.

Tại Bản án sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 2 Điều 357, các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228, các Điều 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Dương Thị H phải trả cho bà Lê Thị H tổng số tiền 565.000.000 đồng; đình chỉ giải quyết về lãi suất do nguyên đơn bà Lê Thị H đã rút yêu cầu; trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn là bà Dương Thị H kháng cáo với nội dung: Bà chỉ được vay chị Lê Thị H 115.000.000 đồng nhưng Tòa án sơ thẩm buộc bà phải trả chị Lê Thị H 565.000.000 đồng là không đúng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm để đảm bảo sự công bằng cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bà chỉ được vay chị Lê Thị H 01 lần duy nhất vào ngày 17/12/2018 với số tiền là 115.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà đã 04 lần thanh toán tiền lãi cho khoản vay này với tổng số tiền là 42.350.000 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và chuyển khoản cho cho chị Lê Thị H 02 lần vào ngày 15/01/2019 và ngày 25/01/2019 với tổng số tiền là 11.500.000 đồng. Do chị Lê Thị H không yêu cầu bà phải trả lãi đối với tiền vay nên bà yêu cầu trừ toàn bộ số tiền nói trên vào nợ gốc cho khoản vay 115.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị H trình bày: Không đủ căn cứ để chứng minh việc chị Lê Thị H đã giao tiền cho bà Dương Thị H theo nội dung của 04 Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018 và ngày 21/12/2018 vì: Theo lời khai của bà Dương Thị H và những người làm chứng, có căn cứ để xác định 04 Giấy biên nhận vay tiền nói trên đều xuất phát từ việc bà Dương Thị H ký khống để cho bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X được chị Lê Thị H cho vay tiền bà Dương Thị H bị lừa dối, ép buộc khi ký vào những văn bản đó. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Dương Thị H cung cấp tài liệu chứng minh các ngày mà chị Lê Thị H thể hiện trong 04 Giấy biên nhận vay tiền nói trên thì bà Dương Thị H đều bận nấu ăn phục vụ cho toàn bộ cán bộ nhân viên của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên không thể gặp nguyên đơn tại thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để vay tiền vào các ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018 và ngày 21/12/2018 được. Quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị H chỉ thừa nhận khoản vay ngày 17/12/2018 với số tiền là 115.000.000 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh; qua lời khai của bà Dương Thị H thể hiện bà Dương Thị H đã trả cho ông Đỗ Văn V và chị Lê Thị H tổng số tiền 42.350.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; buộc bà Dương Thị H hoàn trả cho chị Lê Thị H khoản tiền đã vay ngày 17/12/2018 với số tiền còn lại là 72.650.000 đồng; bác yêu cầu của chị Lê Thị H đối với số tiền 450.000.000 đồng thể hiện tại 04 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018.

Chị Lê Thị H trình bày: Việc bà Dương Thị H nợ chị 565.000.000 đồng là có thật, được thể hiện tại 05 Giấy biên nhận vay tiền mà chị đã nộp kèm theo đơn khởi kiện; nay bà Dương Thị H trình bày chỉ được vay chị 115.000.000 đồng và đã trả được 42.350.000 đồng tiền lãi là không đúng. Chị đồng ý trừ 15.000.000 đồng vào nợ gốc cho bà Dương Thị H, trong đó có 11.500.000 đồng

thể hiện tại 02 giấy chuyển tiền đề ngày 15/01/2019 và 25/01/2019 mà bà Dương Thị H và chị Hoàng Thị T (con dâu của bà Dương Thị H) đã chuyển vào tài khoản của chị, đề nghị Tòa án buộc bà Dương Thị H phải trả chị số tiền 550.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Dương Thị H kháng cáo cho rằng bà chỉ được vay chị Lê Thị H duy nhất một lần vào ngày 17/12/2018 với số tiền là 115.000.000 đồng; còn 04 Giấy biên nhận vay tiền với tổng số tiền là 450.000.000 đồng mà chị Lê Thị H xuất trình, mặc dù có chữ ký của bà Dương Thị H nhưng theo bà Dương Thị H đó là do bà ký vào giấy bảo lãnh để cho ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X, bà Dương Thị L được vay tiền chị Lê Thị H, khi ký tên chỉ là những tờ giấy không có nội dung, những thông tin về việc vay nợ là do chị Lê Thị H tự viết vào. Tại phiên tòa phúc thẩm ngoài lời khai thì bà Dương Thị H không còn tài liệu nào khác chứng minh cho việc bà Dương Thị H không vay của chị Lê Thị H số tiền 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Dương Thị H xuất trình 02 hóa đơn chuyển số tiền 11.500.000 đồng vào tài khoản của chị Lê Thị H, bà Dương Thị H cho rằng chuyển tiền để trả nợ cho chị Lê Thị H; chị Lê Thị H cũng đồng ý với nội dung này và chị Lê Thị H chỉ yêu cầu bà Dương Thị H trả cho chị 550.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị H sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn; buộc bà Dương Thị H phải trả cho chị Lê Thị H tổng số tiền 550.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ 03, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng gồm ông Sầm Văn X và anh Dương Ngọc T đều vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có tên nêu trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị H thừa nhận chữ ký "H" và chữ viết "Dương Thị H" bên dưới dòng chữ "người vay tiền" ở tất cả 05 Giấy biên nhận vay tiền (bản gốc) đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 17/12/2018, 21/12/2018 do chị Lê Thị H giao nộp có trong hồ sơ vụ án là chữ ký và chữ viết của bà Dương Thị H. Bà Dương Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh 04 Giấy biên nhận vay tiền

đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018 có nguồn gốc từ việc bà Dương Thị H ký khống để cho bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X được chị Lê Thị H cho vay tiền và cũng không chứng minh được việc bà Dương Thị H bị lừa dối, ép buộc khi ký vào 04 Giấy biên nhận vay tiền đó.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị H trình bày vào các ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018 bà Dương Thị H ở nhà (Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn) làm cơm đặt nên không thể gặp chị Lê Thị H tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để vay tiền đồng thời bà Dương Thị H cung cấp 01 đơn xin xác nhận, có xác nhận của Trưởng Công an xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 25/11/2019 để chứng minh cho việc này. Tuy nhiên, văn bản này không đủ căn cứ để chứng minh vào các ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018 bà Dương Thị H ở nhà làm cơm đặt vì nội dung xác nhận của Trưởng Công an xã T là "bà Dương Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn" và giả sử nếu bà Dương Thị H có nhận làm cơm đặt vào các ngày nói trên thì cũng không đồng nghĩa với việc bà Dương Thị H không vay tiền chị Lê Thị H vào các ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018. Mặt khác, tất cả các Giấy biên nhận vay tiền đều có nội dung "bên vay tiền đã nhận đủ số tiền vay và cùng bên A nhất trí ký vào biên nhận này" vì vậy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Dương Thị H cho rằng chưa chứng minh được việc chị Lê Thị H đã giao tiền cho bà Dương Thị H theo nội dung của 04 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018 là không có căn cứ.

[4] Những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X, anh Phạm Đức G, bà Dương Thị L, trong đó có bà Dương Thị L (chị gái) và anh Phạm Đức G (cháu ruột) có quan hệ họ hàng với bà Dương Thị H, đều thừa nhận: Không biết việc vay nợ giữa bà Dương Thị H với chị Lê Thị H; ông Nguyễn Văn D, ông Sầm Văn X, bà Dương Thị L không chứng minh được chữ ký của bà Dương Thị H ký vào văn bản không có nội dung (ký khống) để bảo lãnh cho các ông bà vay tiền chị Lê Thị H đã được chị Lê Thị H điền thông tin để hợp thức bằng Giấy biên nhận vay tiền giữa bà Dương Thị H với chị Lê Thị H vào các ngày 30/11/2018, 05/12/2018, 14/12/2018, 21/12/2018. Ngoài lời trình bày của mình ra thì anh Phạm Đức G, bà Dương Thị H đều không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà Dương Thị H trả tiền lãi cho anh Đỗ Văn V và chị Lê Thị H đối với khoản vay 115.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 17/12/2018, nên Hội đòng xét xử không có căn cứ để xác định lãi suất mà chị Lê Thị H cho vay có phù hợp pháp luật hay không cũng như trừ số tiền bà mà Dương Thị H đã trả lãi vào nợ gốc theo yêu cầu của bà Dương Thị H.

[5] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà Dương Thị H nợ chị Lê Thị H tổng số tiền 565.000.000 đồng và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Dương Thị H xuất trình 02 hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản của chị Lê Thị H với tổng số tiền là 11.500.000

đồng và chị Lê Thị H không chứng minh được số tiền trên được chuyển trả cho khoản vay khác của bà Dương Thị H nên số tiền này được trừ vào nợ gốc 565.000.000 đồng của bà Dương Thị H là phù hợp; ngoài ra, chị Lê Thị H tự nguyện giảm 3.500.000 đồng vào nợ gốc cho bà Dương Thị H; do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bà Dương Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thị H tại thời điểm xét xử phúc thẩm là 550.000.000 đồng. Vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà Dương Thị H phải trả cho chị Lê Thị H tổng số tiền 550.000.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Dương Thị H, cụ thể bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng nghĩa vụ phải thanh toán; bà Dương Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H; buộc bà Dương Thị H phải trả cho chị Lê Thị H tổng số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi trả tiền lãi của chị Lê Thị H đối với bà Dương Thị H về số nợ nói trên.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu) đồng án phí dân sự có giá ngạch, sung Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại chị Lê Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.125.000đ (mười bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0000015, ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả bà Dương Thị H 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000135 ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện H, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự; người BVQL của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP,Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thùy